CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

Ngày 30/09/2025	10,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.9%	**31.7%**	**47.9%**

DT thuần
Q3/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -7.5%
YoY: ▲ 1.86| 22.1%

LN thuần
Q3/25
-3.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.53| -16.4%
YoY: ▼17.6| -127%

LN sau thuế
Q3/25
-0.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.11| 82.6%
YoY: ▼10.4| -104%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-4.2%
YoY: +/-▲ 22.3%

ROE (TTM)
Q3/25
-16.4%
YoY: +/-▼ 4.9%

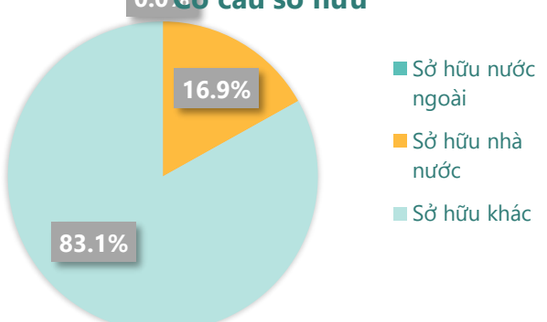
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,300 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	166
Số lượng CPLH (CP)	15,333,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	830
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	-2,106
P/E	-5.1

DT thuần
9T 2025
33.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.60| 40.5%

LN thuần
9T 2025
-4.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.9| -114%

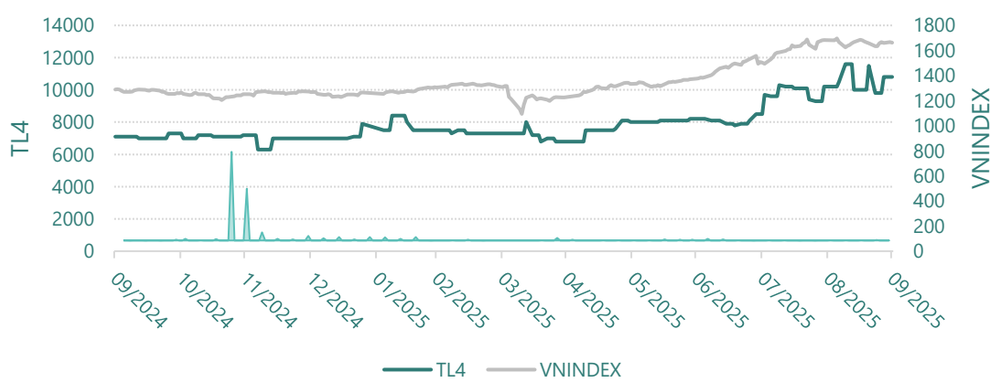
LN sau thuế
9T 2025
-1.47
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.2| -105%

Cơ cấu sở hữu

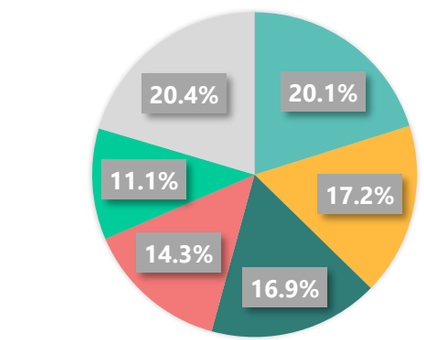


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



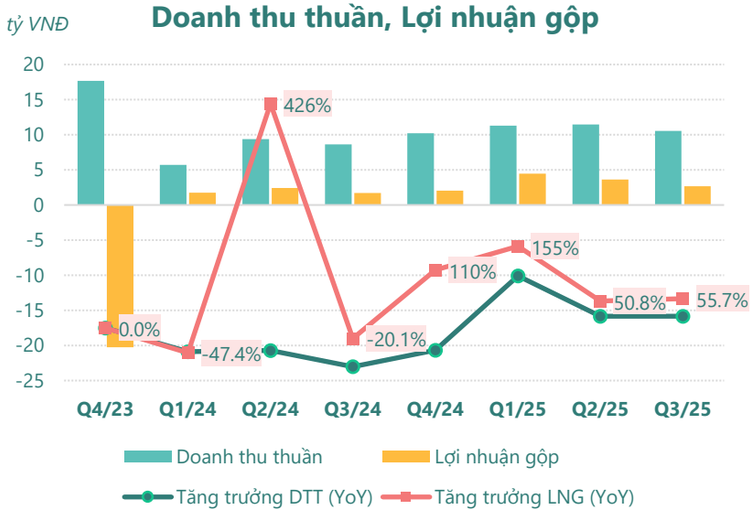
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

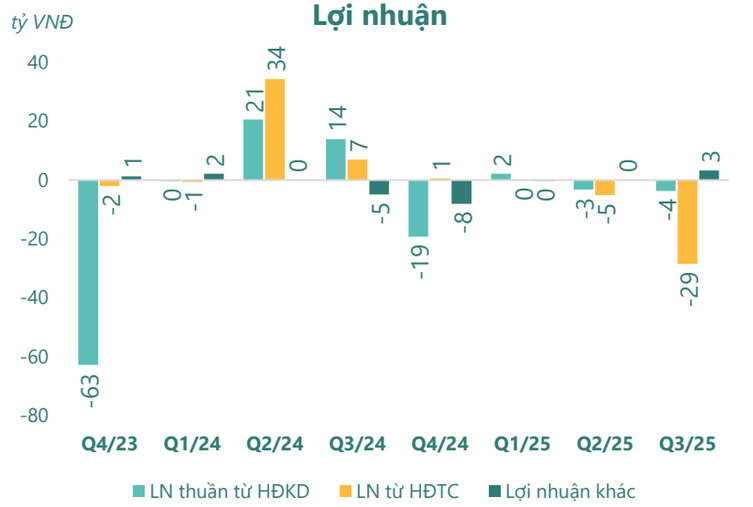
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



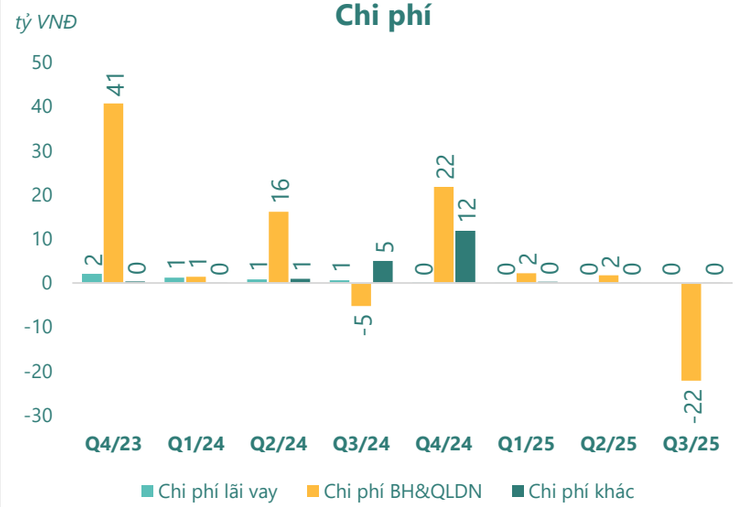
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



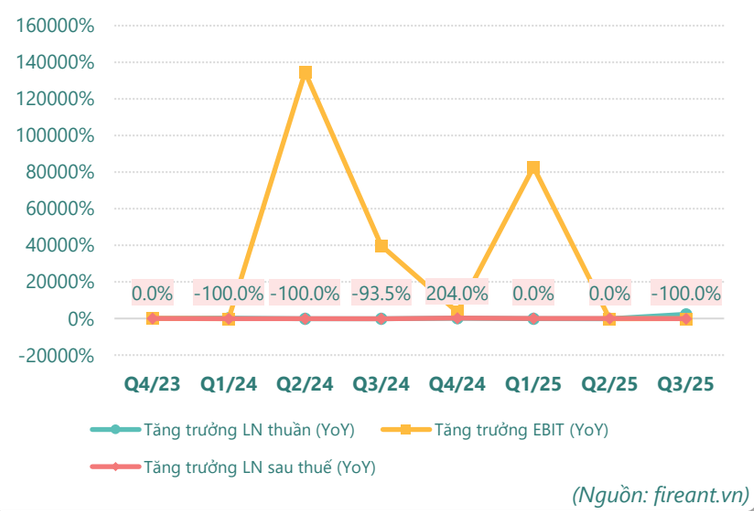
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



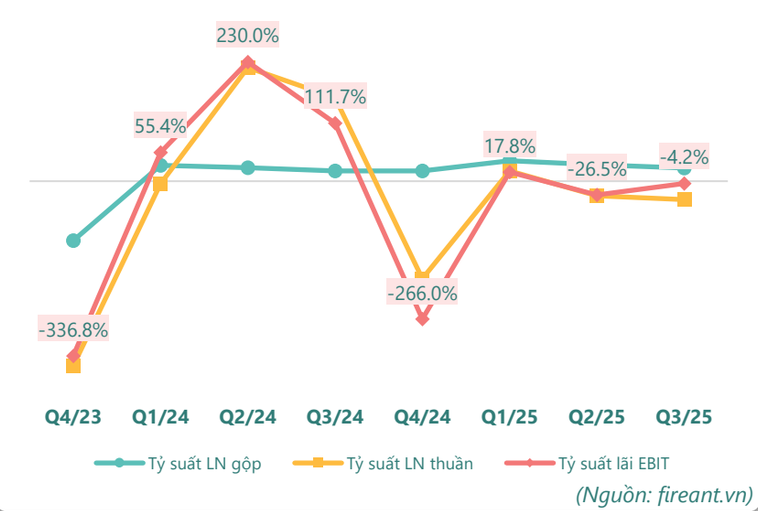
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



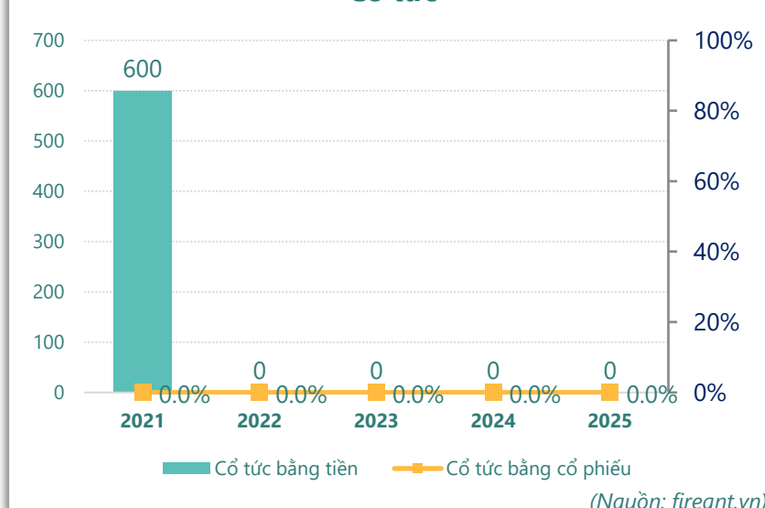
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

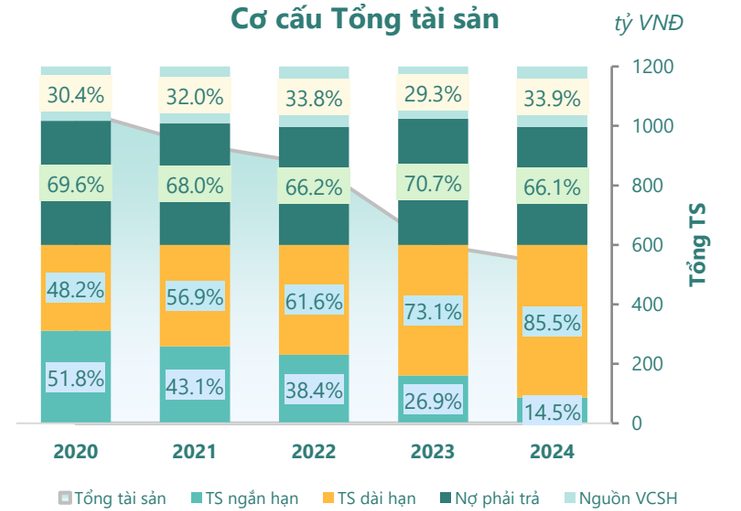
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

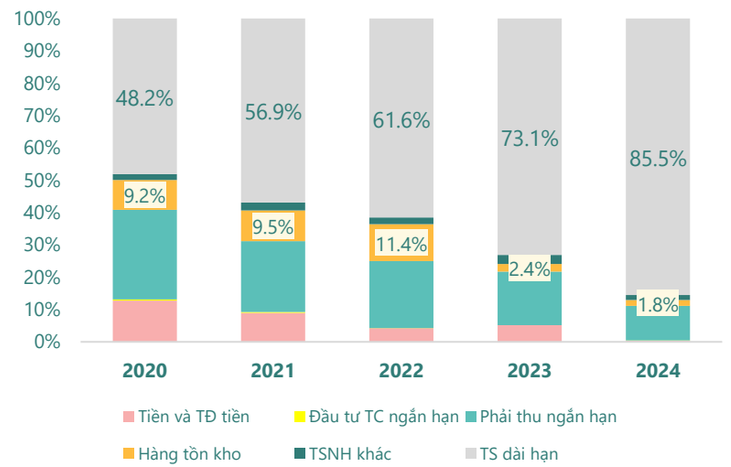
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



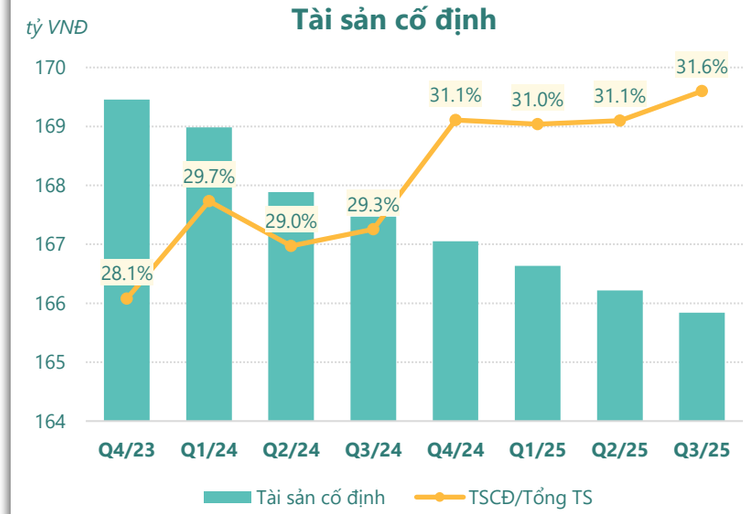
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



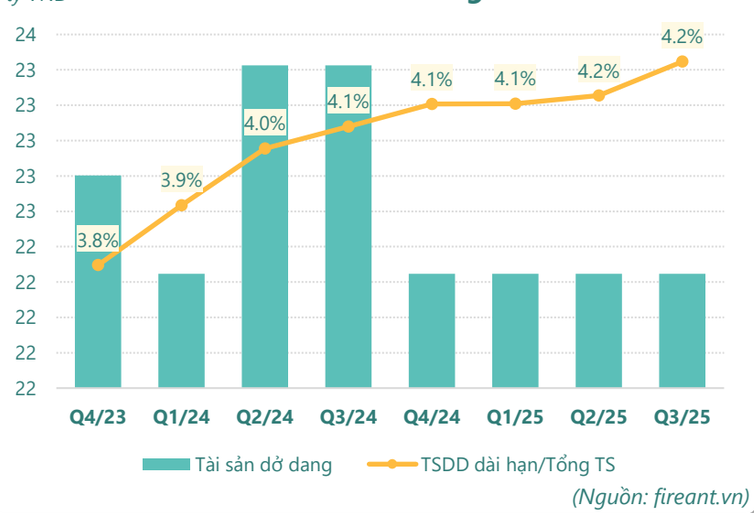
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



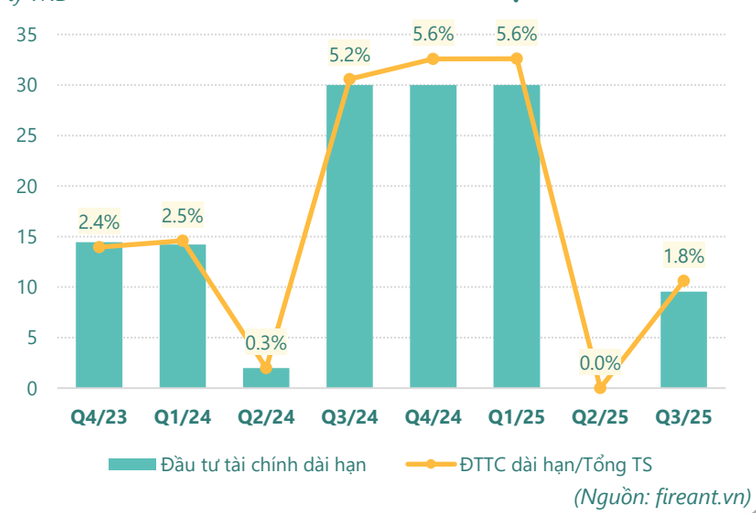
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



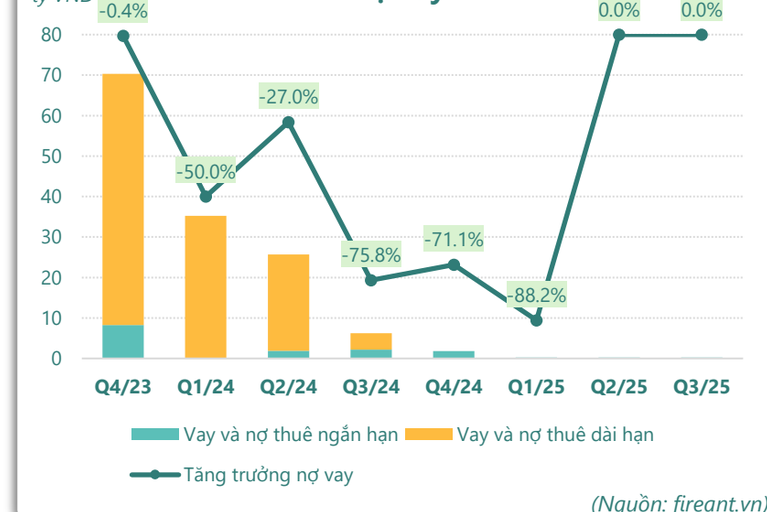
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

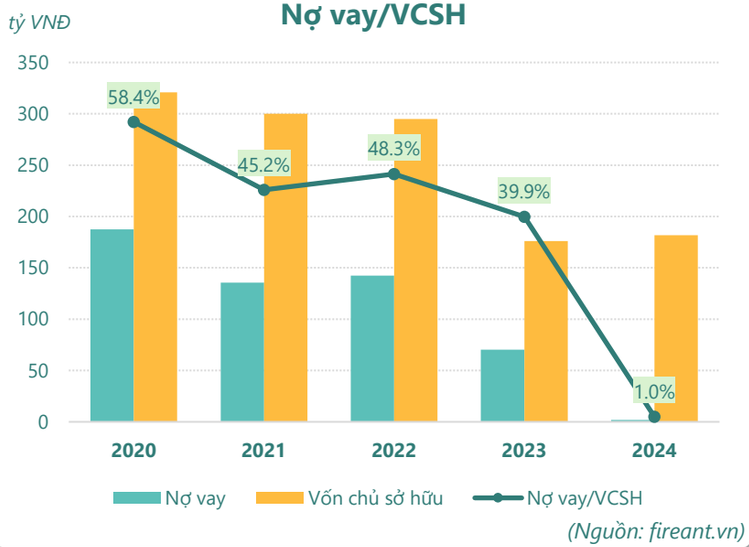
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

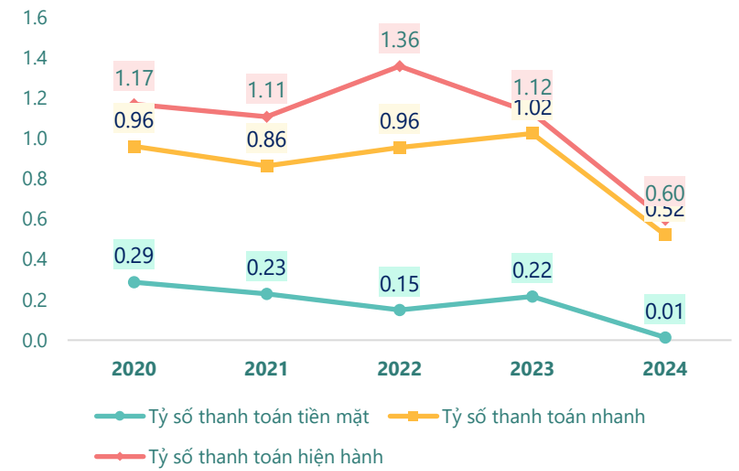
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



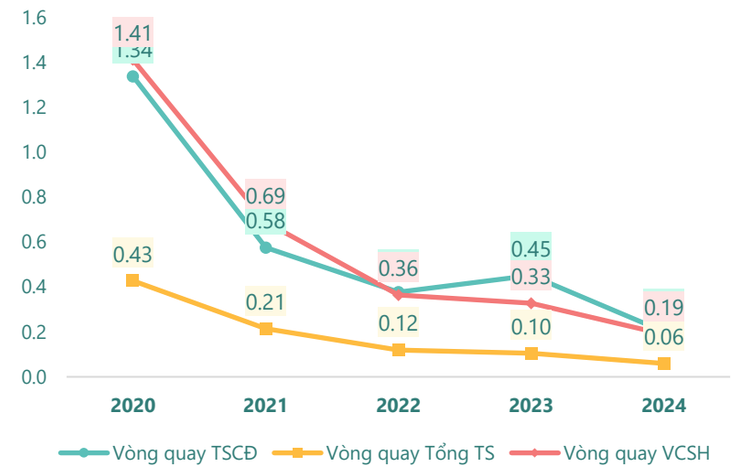
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



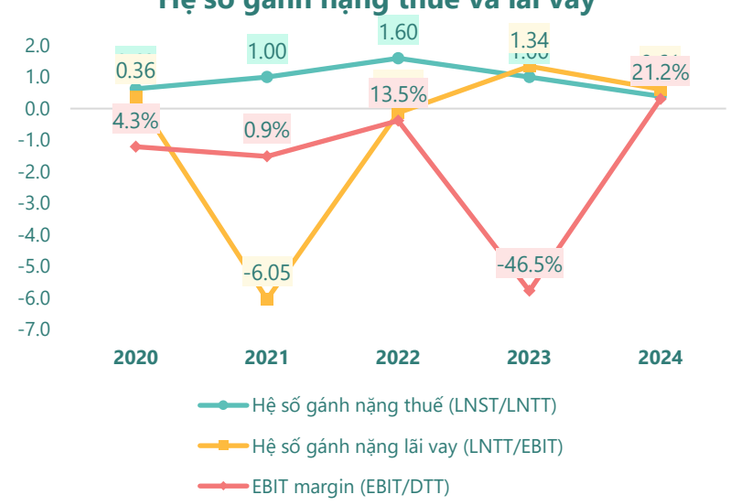
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



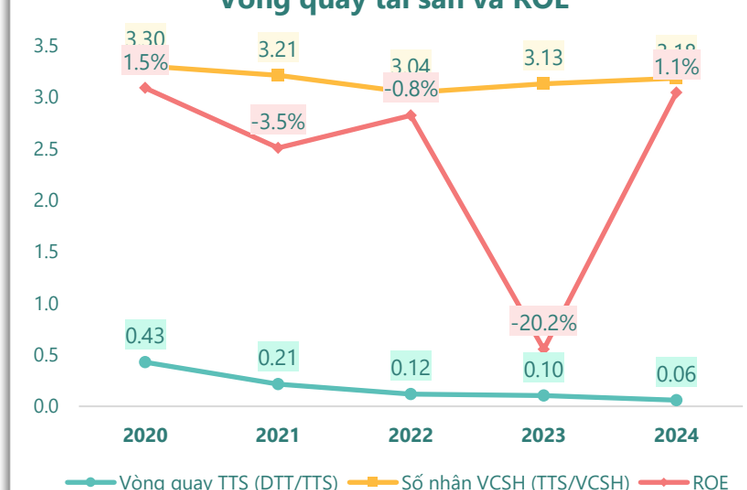
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



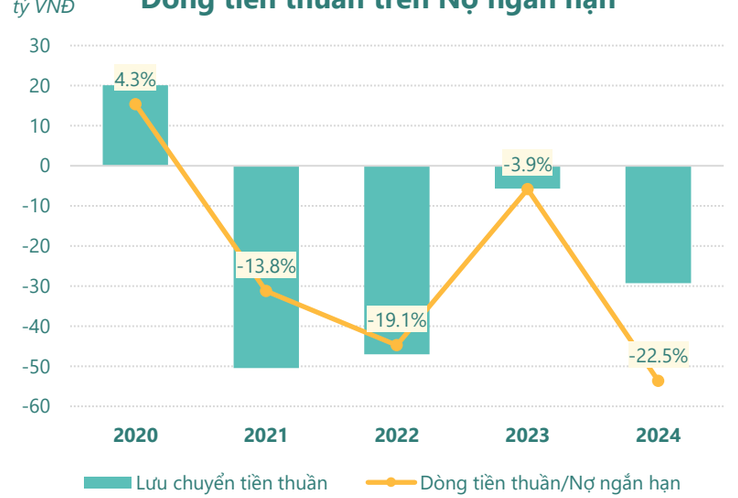
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.5**	**8.64**	**22.1%**	**33.3**	**23.7**	**40.5%**
Giá vốn hàng bán	7.88	6.92	13.8%	22.5	17.8	26.4%
Lợi nhuận gộp	2.67	1.72	55.5%	10.8	5.88	83.3%
Doanh thu HĐTC	0.12	6.27	-98.1%	0.48	42.0	-98.9%
Chi phí TC	28.7	-0.71	4137%	34.1	1.35	2421%
Chi phí lãi vay	0	0.61	-100%	0.00	2.65	-99.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**-22.1**	**-5.22**	**-324%**	**-18.1**	**12.4**	**-247%**
LN thuần từ HĐKD	-3.74	13.9	-127%	-4.73	34.2	-114%
Lợi nhuận khác	**3.29**	**-4.88**	**167%**	**3.26**	**-2.45**	**233%**
LN trước thuế	-0.45	9.04	-105%	-1.47	31.7	-105%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.45**	**9.98**	**-104%**	**-1.47**	**32.7**	**-105%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.41**	**10.0**	**-104%**	**-1.36**	**32.9**	**-104%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.78	-4.66	3.79	4.30	-22.2	48.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.60	18.9	1.46	-0.04	30.6	-43.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.51	-15.4	-4.46	-1.59	0.00	0
Tiền đầu kỳ	2.33	2.19	0.99	1.78	4.46	12.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.14**	**-1.20**	**0.79**	**2.68**	**8.43**	**4.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.19	0.99	1.78	4.46	12.9	17.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**525**	**537**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	91.5	77.7	17.8%
Tiền và tương đương tiền	17.9	1.78	906%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.92	0.66	40.2%
Phải thu ngắn hạn	56.8	57.2	-0.7%
Hàng tồn kho	9.69	9.77	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.20	8.25	-24.9%
Tài sản dài hạn	**433**	**459**	**-5.7%**
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.1%
Tài sản cố định	166	167	-0.7%
Bất động sản đầu tư	215	220	-1.9%
Tài sản dở dang	22.2	22.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	30.0	-68.2%
Tài sản dài hạn khác	**5.53**	**5.64**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	345	355	-3.0%
Nợ ngắn hạn	**115**	**130**	**-11.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.21	1.80	-88.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	73.2	-10.3%
Nợ dài hạn	230	225	2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**180**	**182**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**180**	**182**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)